

NGHỊ QUYẾT
Về Chương trình Giảm nghèo bền vững
tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 161/TTr-UBND, ngày 24/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết về Chương trình Giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra số 74/BC-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Ban Văn hoá - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Nghị quyết về Chương trình Giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người nghèo, đặc biệt là ở các địa bàn nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận thuận lợi

các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin).

b) Mục tiêu cụ thể

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh bình quân từ 2,5-3%/năm (riêng tại 03 huyện có tỷ lệ hộ nghèo trên 50%, các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số giảm bình quân từ 4-4,5%/năm) theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

- Cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, bảo đảm thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo trong tỉnh đến cuối năm 2020 tăng lên 1,9 lần so với cuối năm 2015;

- Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo; gắn liên với 10 chỉ số đo lường khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội.

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, thôn, buôn đặc biệt khó khăn được tập trung đầu tư đồng bộ theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu như giao thông, trường học, trạm y tế, thủy lợi nhỏ, nước sinh hoạt.

c) Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2020

- Phấn đấu 15-20% số xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất và dân sinh trên địa bàn các huyện, xã, thôn, buôn thuộc Chương trình phù hợp quy hoạch dân cư và quy hoạch sản xuất, đảm bảo phục vụ có hiệu quả đời sống và phát triển sản xuất của người dân:

- + 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo tiêu chuẩn và cấp kỹ thuật theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

- + Từ 70% - 80% thôn, buôn có đường trục giao thông được cứng hóa đảm bảo tiêu chuẩn và cấp kỹ thuật theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

- + 100% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; 100% trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế;

- + 100% xã có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân; 50-60% số xã có cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn nông thôn mới;

- + 90% hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh;

- + Các công trình thủy lợi nhỏ được đầu tư đáp ứng 75%-80% nhu cầu tưới tiêu cho diện tích cây trồng hằng năm.

- 100% cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo cấp xã, trưởng thôn, buôn được tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia; xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng;

- 90% các hộ dân thuộc địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn được tiếp cận, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; kinh nghiệm sản xuất; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thông qua các hình thức báo chí, các xuất bản phẩm và các sản phẩm truyền thông khác.

2. Các chính sách, dự án

a) Các chính sách giảm nghèo chung theo Nghị quyết 80/NQ-CP

Tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định, để sản xuất, kinh doanh, học nghề, vay làm nhà ở...

Tập huấn, truyền nghề; ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; xây dựng các mô hình trình diễn về tiến bộ khoa học và công nghệ phù hợp với từng địa phương, nhu cầu và khả năng của hộ nghèo.

Đẩy mạnh thực hiện đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2017 - 2020, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật.

Thực hiện hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế; hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế còn lại cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo từ ngân sách địa phương theo Nghị quyết 179/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh, hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân. Có giải pháp phù hợp huy động nguồn lực của cộng đồng xã hội, cùng với nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện tốt việc hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo.

Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông Trung học cơ sở ở xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.

Thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Các địa phương chủ động, tích cực huy động nguồn lực của cộng đồng xã hội, doanh nghiệp, gia đình, dòng họ cùng với nguồn cho vay vốn tín dụng ưu đãi để hỗ trợ hộ nghèo cải thiện nhà ở;

Thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu số và người được trợ giúp pháp lý khác theo quy định của pháp luật bằng các hình thức tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng và các hình thức trợ giúp pháp lý khác.

b) Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg

- Hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo:

+ Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và dân sinh ở các huyện nghèo; tăng cường năng lực và tạo điều kiện để người dân và cộng đồng tham gia thực hiện, tạo việc làm công, phát huy hiệu quả các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu được đầu tư, từng bước phát huy lợi thế về địa lý, khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên;

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo có hiệu quả;

+ Hỗ trợ học nghề, ngoại ngữ và giáo dục định hướng để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Hỗ trợ giảm nghèo đối với các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, buôn đặc biệt khó khăn:

+ Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, buôn đặc biệt khó khăn;

+ Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ, công chức cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới; các thôn, buôn đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo hiệu quả trên địa bàn các xã ngoài các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, thôn, buôn đặc biệt khó khăn.

- Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: Truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo nhằm khơi dậy tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo và huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững;

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo ở các cấp; thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình.

3. Kinh phí thực hiện (có phụ lục kèm theo)

a) Tổng nhu cầu kinh phí giai đoạn 2016-2020 là 3.954.662 triệu đồng (chưa tính nguồn vốn tín dụng), trong đó:

- Kinh phí thực hiện các chính sách giảm nghèo chung theo Nghị quyết 80/NQ-CP là 2.908.612 triệu đồng (kinh phí lồng ghép);

- Kinh phí thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 1.046.050 triệu đồng.

b) Nguồn vốn tín dụng của Ngân hàng chính sách xã hội: 4.759.000 triệu đồng

4. Các giải pháp chủ yếu

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo: Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành về lĩnh vực giảm nghèo; cấp ủy, chính quyền các cấp phải quán triệt đầy đủ trách nhiệm và vai trò lãnh đạo của mình, phải huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội để thực hiện đồng bộ và kịp thời các chính sách giảm nghèo.

b) Công tác tuyên truyền: Đẩy mạnh tuyên truyền mục tiêu giảm nghèo sâu rộng đến mọi cấp, mọi ngành, các tầng lớp dân cư và người nghèo nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo; phát động phong trào thi đua “chung tay vì người nghèo”; tôn vinh doanh nghiệp, tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp về nguồn lực, cách làm hiệu quả trong công tác giảm nghèo bền vững.

c) Về cơ chế huy động vốn: Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện Chương trình, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu đã được quy định; tăng cường huy động vốn đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh, kể cả các tổ chức quốc tế; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

d) Lồng ghép chính sách: Nguồn kinh phí thực hiện chính sách được lồng ghép từ ngân sách nhà nước để phát triển kinh tế - xã hội, Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới và 21 chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020.

đ) Cơ chế thực hiện: Thực hiện cơ chế hỗ trợ trọn gói về tài chính, phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong suốt quá trình xây dựng và thực hiện chương trình.

e) Nguồn nhân lực thực hiện Chương trình

- Thực hiện chính sách tăng cường, luân chuyển cán bộ, công chức cho các xã đặc biệt khó khăn; có chính sách khuyến khích trí thức trẻ tình nguyện về nhận công tác ở các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn;

- Sử dụng cán bộ hội, đoàn thể ở cấp xã có trình độ chuyên môn, kiến thức thực tiễn, có năng lực vận động quần chúng làm cộng tác viên giảm nghèo để giúp Ban quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Chương trình Giảm nghèo bền vững trên địa bàn. Mỗi xã, phường, thị trấn một cộng tác viên, mức hỗ trợ hàng tháng cho cộng tác viên giảm nghèo cấp xã bằng một lần mức lương cơ sở.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá IX, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ Tài chính; Bộ LĐ-TB và XH; Bộ KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở: TC, KH&ĐT; LĐTBXH; Tư Pháp;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk;
- Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, Ct HĐND.

CHỦ TỊCH



Y Biêr Niê